

# Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ  
SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Ủy viên
Ông Lê Triều Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Đạt	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phùng Như Dũng**  
**Giám đốc**

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Số: 0272/Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 11 tháng 3 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Văn Đình Khuê**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>556.451.565.488</b>	<b>556.560.311.999</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>541.396.654.180</b>	<b>402.344.257.497</b>
1. Tiền	111		8.396.654.180	2.344.257.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		533.000.000.000	400.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>130.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	130.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.734.133.138</b>	<b>23.171.238.488</b>
1. Phải thu khách hàng	131		314.800.935	13.203.530.933
2. Trả trước cho người bán	132		5.886.315.537	793.253.978
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	5.533.016.666	9.174.453.577
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>219.173.791</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		219.173.791	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.101.604.379</b>	<b>1.044.816.014</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.997.727	10.541.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.120.854.961	470.588.302
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.838.624.992	239.070.997
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		117.126.699	324.615.715
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>260.232.787.438</b>	<b>275.678.830.055</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>23.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.000.000	23.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.678.856.103</b>	<b>43.907.606.864</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	18.733.719.671	21.154.330.729
- Nguyên giá	222		26.901.109.830	26.370.904.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.167.390.159)	(5.216.573.540)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	-	7.116.384
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(46.256.496)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	24.945.136.432	22.746.159.751
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>216.482.951.335</b>	<b>221.218.223.191</b>
- Nguyên giá	241		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.797.835.119)	(8.062.563.263)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>-</b>	<b>10.530.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		10.530.000.000	10.530.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.530.000.000)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>67.980.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		67.980.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>816.684.352.926</b>	<b>832.239.142.054</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>254.771.780.122</b>	<b>259.463.934.157</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.800.373.701</b>	<b>14.229.842.537</b>
1. Phải trả người bán	312		1.047.847.999	5.019.066.409
2. Người mua trả tiền trước	313		5.750.205.040	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	-	3.721.197.300
4. Phải trả người lao động	315		6.016.786.239	219.100.479
5. Chi phí phải trả	316		140.000.000	2.095.309.138
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		105.522.790	82.924.802
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		740.011.633	3.092.244.409
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>240.971.406.421</b>	<b>245.234.091.620</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	13	2.989.054.393	1.880.064.493
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	72.637.220
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	14	237.906.161.552	243.109.961.336
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		76.190.476	171.428.571
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>561.912.572.804</b>	<b>572.775.207.897</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>561.912.572.804</b>	<b>572.775.207.897</b>
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.510.376.314	29.648.479.095
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.670.509.746	10.980.918.183
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.731.686.744	32.145.810.619
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>816.684.352.926</b>	<b>832.239.142.054</b>



Trần Thị Hồng Lan  
 Người lập biểu  
 Ngày 11 tháng 3 năm 2013



Phạm Minh Vĩ  
 Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng  
 Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	28.427.226.990	291.428.639.993
<b>2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>28.427.226.990</b>	<b>291.428.639.993</b>
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	18	24.703.895.044	283.973.636.546
<b>4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>3.723.331.946</b>	<b>7.455.003.447</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	59.899.986.164	70.049.944.786
6. Chi phí tài chính	22	21	10.535.780.048	8.512.053.542
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.341.143.992
7. Chi phí bán hàng	24		1.968.408.110	1.348.998.237
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.329.269.913	33.493.506.853
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.789.860.039</b>	<b>34.150.389.601</b>
10. Thu nhập khác	31		73.537.220	2.406.042.530
11. Chi phí khác	32		128.412.196	2.900.454.370
12. (Lỗ)/ lợi nhuận khác	40		(54.874.976)	494.411.840
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.734.985.063</b>	<b>33.655.977.761</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.730.079.537	7.549.615.684
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	1.108.989.900	1.109.364.145
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.895.915.626</b>	<b>24.996.997.932</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	138	500



Trần Thị Hồng Lan  
 Người lập biểu  
 Ngày 11 tháng 3 năm 2013



Phạm Minh Vĩ  
 Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng  
 Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

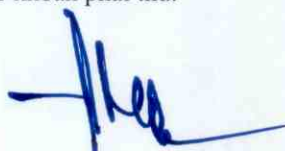
CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10.734.985.063</b>	<b>33.655.977.761</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.693.204.859	7.110.333.045
Các khoản dự phòng	03	10.530.000.000	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.741.849	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(59.899.986.164)	(65.562.174.760)
Chi phí lãi vay	06	-	2.341.143.992
<b>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(30.936.054.393)</b>	<b>(22.454.719.962)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.773.336.801	17.132.195.528
Thay đổi hàng tồn kho	10	(219.173.791)	3.052.974.138
Thay đổi các khoản phải trả	11	2.074.560.609	(290.462.083)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(82.436.727)	249.354.625
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.341.143.992)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.253.551.305)	(8.442.957.264)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.110.783.495)	(2.682.648.195)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(34.754.102.301)</b>	<b>(15.777.407.205)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.729.182.242)	(11.607.955.194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	72.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.241.000.000.000)	(1.531.831.800.340)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.371.000.000.000	1.586.831.800.340
5. Thu lãi tiền gửi	27	63.541.423.075	66.087.639.157
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>190.812.240.833</b>	<b>109.552.411.236</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(17.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>139.058.138.532</b>	<b>93.775.004.031</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>402.344.257.497</b>	<b>308.569.253.466</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.741.849)	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>541.396.654.180</b>	<b>402.344.257.497</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền thu từ lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 5.533.016.666 đồng (2011: 9.174.453.577 đồng), thể hiện khoản thu nhập chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Trần Thị Hồng Lan  
Người lập biểu  
Ngày 11 tháng 3 năm 2013



Phạm Minh Vi  
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng  
Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Giấy chứng nhận Đầu tư này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 7 năm 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 81 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 75).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty được đầu tư và được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn nếu công ty được đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai hoặc ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	57.474.128	143.398.628
Tiền gửi ngân hàng	8.339.180.052	2.200.858.869
Các khoản tương đương tiền	533.000.000.000	400.000.000.000
	<b><u>541.396.654.180</u></b>	<b><u>402.344.257.497</u></b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các công ty tài chính có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 8% - 9%/năm (2011: 14%).

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.533.016.666	9.174.453.577
	<b><u>5.533.016.666</u></b>	<b><u>9.174.453.577</u></b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	1.467.811.000	4.479.393.486	1.221.221.958	19.202.477.825	26.370.904.269
Tăng trong năm	-	-	151.825.455	-	151.825.455
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	378.380.106	378.380.106
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>1.467.811.000</u></b>	<b><u>4.479.393.486</u></b>	<b><u>1.373.047.413</u></b>	<b><u>19.580.857.931</u></b>	<b><u>26.901.109.830</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	255.064.866	1.758.517.406	893.632.230	2.309.359.038	5.216.573.540
Khấu hao trong năm	209.687.424	639.913.344	160.895.400	1.940.320.451	2.950.816.619
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>464.752.290</u></b>	<b><u>2.398.430.750</u></b>	<b><u>1.054.527.630</u></b>	<b><u>4.249.679.489</u></b>	<b><u>8.167.390.159</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>1.003.058.710</u></b>	<b><u>2.080.962.736</u></b>	<b><u>318.519.783</u></b>	<b><u>15.331.178.442</u></b>	<b><u>18.733.719.671</u></b>
Tại ngày 31/12/2011	<b><u>1.212.746.134</u></b>	<b><u>2.720.876.080</u></b>	<b><u>327.589.728</u></b>	<b><u>16.893.118.787</u></b>	<b><u>21.154.330.729</u></b>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 876.799.869 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 686.249.307 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

**Báo cáo tài chính**

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**Phần mềm kế toán  
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2012 và 31/12/2012

53.372.880

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2012

46.256.496

Khấu hao trong năm

7.116.384

Tại ngày 31/12/2012

53.372.880**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2012

-

Tại ngày 31/12/2011

7.116.384**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**2012  
VND2011  
VND

Tại ngày 01 tháng 01

22.746.159.751

17.917.339.824

Tăng

2.577.356.787

13.071.098.059

Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình

(378.380.106)

(7.980.305.963)

Kết chuyển sang bất động sản đầu tư

-

(261.972.169)

Tại ngày 31 tháng 12

24.945.136.43222.746.159.751

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tổng chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình trên diện tích 160 ha đất và chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa trên diện tích 350 ha đất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn đầu tư vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa lần lượt là 16.903.866.579 đồng và 8.041.269.853 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 15.371.798.337 đồng và 7.374.361.414 đồng).

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Cơ sở hạ tầng  
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2012 và 31/12/2012

229.280.786.454

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2012

8.062.563.263

Khấu hao trong năm

4.735.271.856

Tại ngày 31/12/2012

12.797.835.119**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2012

216.482.951.335

Tại ngày 31/12/2011

221.218.223.191

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

31/12/2012 và 31/12/2011  
VND

Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)

131.881.668.267

Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)

97.399.118.187

229.280.786.454



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Giá trị thực của khoản đầu tư này được tạm ghi nhận vào năm 2010 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm. Năm 2011, bất động sản đầu tư này được quyết toán đầu tư và không có sự biến đổi đáng kể trong giá trị của bất động sản đầu tư này.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư dài hạn khác	10.530.000.000	10.530.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(10.530.000.000)</u>	<u>-</u>
	<u>-</u>	<u>10.530.000.000</u>

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu; do đó, Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>3.721.197.300</u>
	<u>-</u>	<u>3.721.197.300</u>

**13. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao Cơ quan Thuế cho phép theo quy định tại Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chênh lệch khấu hao
	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	1.880.064.493
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.108.989.900
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.989.054.393</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước cho việc thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai-Bến Đình, thành phố Vũng Tàu.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu chưa thực hiện dự án 39,8 ha	135.781.113.934	138.798.472.021
Doanh thu chưa thực hiện dự án 23 ha	102.125.047.618	104.311.489.315
	<b><u>237.906.161.552</u></b>	<b><u>243.109.961.336</u></b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>21.953.718.608</b>	<b>8.131.006.892</b>	<b>(1.411.475.005)</b>	<b>20.828.386.885</b>	<b>549.501.637.380</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.996.997.932	24.996.997.932
Phân phối các quỹ	-	6.749.189.442	2.499.699.793	-	(11.998.559.006)	(2.749.669.771)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.411.475.005	-	1.411.475.005
Điều chỉnh	-	945.571.045	350.211.498	-	(1.681.015.192)	(385.232.649)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b><u>500.000.000.000</u></b>	<b><u>29.648.479.095</u></b>	<b><u>10.980.918.183</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>32.145.810.619</u></b>	<b><u>572.775.207.897</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.895.915.626	6.895.915.626
Phân phối các quỹ	-	1.861.897.219	689.591.563	-	(3.310.039.501)	(758.550.719)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b><u>500.000.000.000</u></b>	<b><u>31.510.376.314</u></b>	<b><u>11.670.509.746</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>18.731.686.744</u></b>	<b><u>561.912.572.804</u></b>

Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh theo điều lệ của Công ty. Khoản trích này được trích theo tỷ lệ bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế của Công ty. Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng ba mươi phần trăm (30%) của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích quỹ dự phòng tài chính. Các quỹ khác được trích bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế. Mức trích cuối cùng sẽ phụ thuộc vào kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

<b>Vốn điều lệ</b>	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Cổ đông sáng lập</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	210.250.000.000	42,05	210.230.500.000	210.230.500.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	50.924.000.000	50.924.000.000
<b>Các cổ đông khác</b>	<u>238.826.000.000</u>	<u>47,77</u>	<u>238.845.500.000</u>	<u>238.845.500.000</u>
	<b><u>500.000.000.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>500.000.000.000</u></b>	<b><u>500.000.000.000</u></b>

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí. Trong năm, Công ty không phát sinh doanh thu, chi phí từ các hoạt động kinh doanh khác, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.203.799.784	5.203.351.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.223.427.206	38.865.059.525
Doanh thu kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí (cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô)	-	247.360.229.042
	<b><u>28.427.226.990</u></b>	<b><u>291.428.639.993</u></b>

**18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	4.735.271.856	4.736.831.217
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.968.623.188	35.518.578.283
Giá vốn kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí (cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô)	-	243.718.227.046
	<b><u>24.703.895.044</u></b>	<b><u>283.973.636.546</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.672.456.509	2.368.141.738
Chi phí nhân công	34.095.136.623	25.956.810.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.693.204.859	7.098.099.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.627.236.946	275.553.901.608
Chi phí khác	6.132.711.921	7.839.188.636
	<b>67.220.746.858</b>	<b>318.816.141.636</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	50.392.581.722	51.565.685.593
Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn	9.507.166.666	13.923.761.996
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237.776	4.560.497.197
	<b>59.899.986.164</b>	<b>70.049.944.786</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	-	2.341.143.992
Dự phòng đầu tư dài hạn	10.530.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.199	6.170.909.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.741.849	-
	<b>10.535.780.048</b>	<b>8.512.053.542</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	10.734.985.063	33.655.977.761
<b>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.435.959.600)	(4.439.632.902)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	4.078.343.332	982.117.877
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.377.368.795</b>	<b>30.198.462.736</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.594.342.199</b>	<b>7.549.615.684</b>
Bổ sung thuế thu nhập năm trước	135.737.338	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.730.079.537</b>	<b>7.549.615.684</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,895,915,626	24.996.997.932
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>138</b>	<b>500</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CAM KẾT VỐN**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có cam kết góp vốn để thành lập Công ty Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với số tiền là 250 tỷ đồng, tương đương 25% vốn đầu tư của dự án này cùng với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Tập đoàn Trung Hoa Triều Thương Cục theo Hợp đồng liên doanh được ký ngày 26 tháng 4 năm 2011. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, liên doanh này chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do đó, hợp đồng liên doanh này bị chấm dứt theo điều khoản của hợp đồng.

Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư ngày 29 tháng 5 năm 2012 từ Ban Quản lý khu Kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa cho Dự án Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong với diện tích khoảng 350 ha đất, tổng vốn đầu tư là 25.772.000.000.000 đồng. Dự án gồm 3 giai đoạn, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng vào năm 2017. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 9. Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 09/NQ – HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty có chủ trương xin dừng thực hiện dự án do tính không hiệu quả về mặt kinh tế.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có cam kết vốn đầu tư vào Dự án Khu Dịch vụ Dầu khí trên diện tích 35 ha tại khu Căn cứ Sao Mai Bến Đình. Tổng vốn đầu tư của dự án là 6.100.000.000.000 đồng, thời gian triển khai và hoàn thành dự kiến là từ năm 2012 – 2017. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 9.

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.178.888.080	2.078.158.928

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.889.512.000	1.839.528.960
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.012.836.000	-
Sau năm năm	98.850.000	-
	<u><b>11.001.198.000</b></u>	<u><b>1.839.528.960</b></u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm và khoản thanh toán cho chi phí thuê mặt bãi khu Kinh tế Sao Mai Bến Đình với thời hạn thuê trên 5 năm.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	541.396.654.180	402.344.257.497
Đầu tư ngắn hạn	-	130.000.000.000
Phải thu khách hàng	314.800.935	13.203.530.933
Phải thu khác	5.533.016.666	9.174.453.577
Các khoản ký quỹ	3.000.000	38.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.530.000.000
	<b>547.247.471.781</b>	<b>565.290.242.007</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	1.047.847.999	5.019.066.409
Chi phí phải trả	140.000.000	2.095.309.138
	<b>1.187.847.999</b>	<b>7.114.375.547</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.759.667.624	6.706.107.114	-	-
Euro (EUR)	2.753.104	2.755.505	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của USD so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng là 675.966.762 VND (2011: 670.610.711 VND)

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	541.396.654.180	-	541.396.654.180
Phải thu khách hàng	314.800.935	-	314.800.935
Phải thu khác	5.533.016.666	-	5.533.016.666
Các khoản ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>547.247.471.781</b>	<b>-</b>	<b>547.247.471.781</b>
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.047.847.999	-	1.047.847.999
Chi phí phải trả	140.000.000	-	140.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.187.847.999</b>	<b>-</b>	<b>1.187.847.999</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>546.059.623.782</b>	<b>-</b>	<b>546.059.623.782</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	402.344.257.497	-	402.344.257.497
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Phải thu khách hàng	13.203.530.933	-	13.203.530.933
Phải thu khác	9.174.453.577	-	9.174.453.577
Các khoản ký quỹ	15.000.000	23.000.000	38.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	10.530.000.000	10.530.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>554.737.242.007</b>	<b>10.553.000.000</b>	<b>565.290.242.007</b>
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.019.066.409	-	5.019.066.409
Chi phí phải trả	2.095.309.138	-	2.095.309.138
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.114.375.547</b>	-	<b>7.114.375.547</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>547.622.866.460</b>	<b>10.553.000.000</b>	<b>558.175.866.460</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cung cấp máy cẩu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô	-	247.360.229.042
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.375.331.980	28.301.391.047
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	3.913.801.065	19.572.499.929
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	17.934.294.161	13.580.919.324
Mua dịch vụ Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.744.841.875	11.427.999.169
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	2.596.820.324	2.078.158.928
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	841.399.444	1.665.126.776
<b>Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn</b>		
Tổng Công ty Cổ Phần Tài Chính Dầu Khí	9.507.166.666	12.523.373.107
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ Phần Tài Chính Dầu Khí (ủy thác quản lý vốn)	-	103.000.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:		
	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng	2.599.745.921	2.812.006.857



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu  
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	145.213.904	438.416.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	-	3.439.892.462
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	169.587.031	2.697.653.663
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	108.735.000	25.513.633
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.665.126.776
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC		217.869.617



Trần Thị Hồng Lan  
 Người lập biểu  
 Ngày 11 tháng 3 năm 2013



Phạm Minh Vĩ  
 Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng  
 Giám đốc